TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH MIỆN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 3 -2019
"*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoài, ông Triệu Duy Tỏi.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị May - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Diên -Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị **Phạm Thị Hồng H**, sinh năm 1996.

HKTT: Thôn P, xã C, huyện T, tỉnh H.

Chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã H, huyện B, tỉnh HD.

Có mặt tại phiên tòa.

- ***Bị đơn:*** Anh **Vũ Toàn T**, sinh năm 1993.

HKTT: Thôn P, xã C, huyện T, tỉnh H.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị Hồng H trình bày: Chị và anh T tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có thai gần sinh con mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh H vào ngày 05/02/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà anh T thời gian ngắn, sau đó lên gia đình chị làm ăn sinh sống, đến khi chị sinh con thì về gia đình chồng. Năm 2016, mặc dù chị không đồng ý nhưng anh T vẫn đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản vì vậy chị cho con về nhà mẹ đẻ chị nhưng vẫn thường xuyên đi lại hai bên gia đình. Vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân khi anh T ở nước ngoài, vợ chồng liên lạc với nhau qua điện thoại nhưng mỗi lần nói chuyện lại xảy ra to tiếng, anh T nghi ngờ chị không chung thủy nên có những lời nói xúc phạm đến danh dự và lòng tự trọng của chị và nói ly hôn. Tháng 11/2018, anh T bị trục xuất về nước, tuy đến thăm chị nhưng chỉ là chơi với con, còn đối với chị anh T vẫn có thái độ không tôn trọng, thờ ơ lãnh đạm với chị. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị xác định anh T là người gia trưởng không biết quan tâm, chia sẻ với chị trong cuộc sống, vợ chồng không có niềm tin ở nhau, nếu có chung sống cũng không hạnh phúc nên chị không chấp nhận đoàn tụ cùng anh T. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung là Vũ Duy A, sinh ngày 03/3/2015 hiện đang ở cùng chị. Cháu Duy A được học hành đầy đủ, tinh thần, thể chất của cháu phát triển bình thường. Nguyện vọng của chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì chị là người mẹ nuôi con từ nhỏ đến nay, chị không muốn làm xáo trộn cuộc sống của con, hiện tại chị có việc làm tại công ty TNHH MIKASA Việt Nam, thu nhập từ 05 đến 08 triệu đồng/tháng, đủ khả năng nuôi dưỡng con trưởng thành, chị cũng tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài chung, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa, anh Vũ Toàn T là bị đơn trình bày: Về điều kiện kết hôn anh xác nhận chị H trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng trẻ sống xa nhau nên có những bất đồng quan điểm trong cuộc sống và thường hay cãi nhau vặt nhưng sau đó mọi chuyện trở lại bình thường. Từ tháng 6/2018 giữa anh và chị H xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, cãi nhau to tiếng trên điện thoại, chị H cố chấp không chịu bỏ qua. Tháng 11/2018 anh chấm dứt hợp đồng lao động về nước, bản thân anh và người thân trong gia đình có đến tìm chị H về đoàn tụ nhưng chị H cương quyết không quay lại chung sống cùng anh. Mặc dù chị H không muốn đoàn tụ nhưng anh vẫn kiên trì gặp gỡ, thuyết phục để vợ chồng vì con mà quay lại chung sống cùng nhau. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H, tuy nhiên anh càng cố gắng níu kéo thì chị H càng tạo khoảng cách với anh nên vợ chồng khó có thể hàn gắn, đoàn tụ, trong hai bản tự khai và biên bản hoà giải ngày 27/02/2019 anh xác định chị H cương quyết xin ly hôn anh nhất trí, tại phiên toà anh không nhất trí ly hôn, còn nếu phải ly hôn nguyện vọng anh đề nghị được nuôi con chung.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có một con chung như chị H trình bày. Quan điểm của anh là không muốn con sống thiếu cha hoặc mẹ mà muốn con được sống có cả cha, mẹ mới đảm bảo cuộc sống tốt nhất. Tuy nhiên chị H cương quyết ly hôn thì nguyện vọng của anh xin được nuôi con bởi bố con anh rất yêu thương, quấn quýt với nhau, bên cạnh đó cháu Duy A là con trai nên cần có sự nuôi dạy của bố mới đảm bảo cho sự phát triển của con. Anh xác định có đủ điều kiện kinh tế, thời gian, công việc ổn định để nuôi con tốt nhất nên anh

yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Lã Thị P là mẹ đẻ chị H trình bày: Chị H, anh T hoà thuận thời gian đầu, từ tháng 6/2018 vợ chồng sảy ra mâu thuẫn do anh T nghi ngờ ghen tuông chị H không chung thuỷ. Anh T đã có những lời lẽ thiếu tôn trọng chị H làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Tháng 11/2018, anh T về nước nhưng vẫn tỏ thái độ thờ ơ lạnh nhạt không quan tâm đến vợ, mặc dù anh T có đến gặp chị H nhưng vợ chồng vẫn to tiếng với nhau và không tìm được biện pháp để khắc phục mâu thuẫn hàn gắn cuộc sống chung. Hai bên gia đình đã phân tích, khuyên nhủ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Chị H xin ly hôn và xin được nuôi con, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H.

Bà Trần Thị L là mẹ đẻ anh T trình bày: trong thời gian anh T đi làm tại Nhật Bản thì giữa chị H, anh T có xảy ra mâu thuẫn qua điện thoại và đòi ly hôn. Gia đình đã động viên chị H để vợ chồng chia sẻ thông cảm cho nhau. Khi anh T về nước, gia đình và anh T đã đến gặp gỡ, nói chuyện mong muốn chị H bỏ qua cho anh T về đoàn tụ nhưng chị H không chấp nhận. Trường hợp chị H, anh T ly hôn, đề nghị Tòa án giao cho anh T được nuôi dưỡng con chung.

Kết quả xác minh tại UBND xã C xác định chị H, anh T có đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng không nắm được tình trạng quan hệ tình cảm, mâu thuẫn giữa anh chị như thế nào. Đại diện thôn L, xã H xác định chị H và cháu Duy A hiện đang ở cùng bà Lã Thị P là mẹ đẻ chị H. Chị H làm công nhân và có thu nhập ổn định; kinh tế gia đình bà P thuộc diện khá giả của địa phương.

Trường Mầm non xã H, huyện B có văn bản xác định cháu Vũ Duy A theo học tại trường từ năm 2018. Trong quá trình học tập, cháu được chăm sóc, giáo dục về sức khỏe và học tập một cách toàn diện. Hàng ngày, chị H hoặc bà ngoại đưa đón cháu đi học. Các khoản đóng góp cho cháu Duy A đều do mẹ hoặc bà ngoại đóng góp.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Về hôn nhân: Xử bác đơn xin ly hôn của chị Phạm Thị Hồng H đối với anh Vũ Toàn T.

- Về con chung: Do xử bác đơn ly hôn nên không giải quyết việc nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị H, anh T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân*: Chị Phạm Thị Hồng H và anh Vũ Toàn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T ngày 05/02/2015, đây là nhân hợp pháp.

Chị H và anh T đều xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trong thời gian anh T lao động tại Nhật Bản, anh T nghi ngờ lòng chung thủy và không còn tin tưởng chị H nên mỗi lần nói chuyện qua điện thoại, vợ chồng thường xảy ra cãi nhau to tiếng, anh T còn xúc phạm lòng tự trọng và nhân phẩm của chị H, đã có lúc anh nói chuyện sẽ ly hôn. Tháng 11/2018, anh T chấm dứt hợp đồng về nước, có đến gặp chị H để cùng nhau tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặc dù trong biên bản hoà giải ngày 29/01/2019 và tại phiên toà anh không nhất trí ly hôn, đại diện Viện kiểm sát ND huyện Thanh Miện cũng đề nghị xử bác đơn ly hôn của chị H, nhưng trong hai bản tự khai và biên bản hoà giải ngày 27/02/2019 anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, chị H ngày càng tạo khoảng cách và cương quyết xin ly hôn anh nhất trí. Toà án cũng kiên trì tạo điều kiện cho hai bên có thời gian tìm biện pháp đoàn tụ nhưng giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Anh T cũng không đưa ra biện pháp nào để chứng minh vợ chồng có khả năng đoàn tụ. Như vậy, có căn cứ xác định chị H và anh T đã xảy ra bất đồng quan điểm sống ngay từ khi anh chuẩn bị đi nước ngoài lao động khi chị H không muốn anh đi mà ở lại cùng chị làm ăn nuôi dạy con chung, trong thời gian anh ở nước ngoài, vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn khi anh không tin tưởng và nghi ngờ chị không chung thuỷ, thường xúc phạm lòng tự trọng và nhân phẩm của chị. Khi về nước anh T có sự cố gắng níu kéo nhưng chị H cương quyết không muốn đoàn tụ cùng anh T, chị còn xác định Toà án có bác đơn ly hôn chị cũng không chấp nhận đoàn tụ cùng anh T, thời gian hai bên ly thân đã gần ba năm, không có sự quan tâm đến nhau. Ngay tại phiên toà nguyện vọng anh không nhất trí ly hôn chính là để được nuôi con nên có ý kiến nếu pháp luật xử ly hôn thì nguyện vọng của anh xin được nuôi con chung. HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp qui định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Vũ Duy A, sinh ngày 03/3/2015, hiện đang ở cùng chị H. Trường hợp ly hôn, chị H, anh T đều có nguyện vọng được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu người kia cấp dưỡng

tiền nuôi con chung. Hai bên đều đề xuất các biện pháp đảm bảo cuộc sống tốt nhất của con chung.

Xét về điều kiện nghề nghiệp, thu nhập và việc nuôi dưỡng, chăm sóc con thì thấy: Hiện nay chị H có việc làm tại công ty TNHH MIKASA Việt Nam, thu nhập từ 05 đến 08 triệu đồng/tháng, cháu Duy A được chị H nuôi dưỡng từ nhỏ, việc quan tâm chăm sóc, nuôi dưỡng rất tốt. Anh T cũng xác định, trong thời gian cháu Duy A ở với chị H khoẻ mạnh, được chăm sóc, giáo dục tốt về thể chất và tinh thần, trường Mầm non xã H cũng xác nhận cháu nhanh nhẹn, khỏe mạnh, thông minh, hoạt bát và có phần nổi trội hơn các bạn cùng lứa tuổi. Mẹ, con chị H ở cùng bà P, được gia đình tạo điều kiện tốt nhất về việc chăm sóc cháu. Chỗ ở của gia đình gần trường học và gần trung tâm xã, rất thuận tiện cho việc cháu Duy A học tập và phát triển. Chị H và gia đình vẫn luôn tạo điều kiện cho anh T thăm gặp, chăm sóc con. Đối với điều kiện của anh T sau khi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản về nước chưa có công việc và thu nhập mà chỉ phụ giúp việc nhà cho bố mẹ. Hiện nay mới đi làm tự do, công việc và thu nhập chưa ổn định.

Hội đồng xét xử nhận thấy nguyện vọng xin được nuôi con của chị H và anh T đều chính đáng, tuy nhiên chị H là người mẹ, trước nay là người nuôi dưỡng và đảm bảo con chung khoẻ mạnh, phát triển tốt về mọi mặt, việc thay đổi tình trạng hiện tại của cháu Duy A là không cần thiết. Đối với anh T cũng đủ điều kiện đảm bảo cuộc sống của con chung, tuy vậy hiện anh đi làm trên Hà Nội, không có điều kiện gần con, chăm sóc con như chị H, vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, đảm bảo quyền lợi người phụ nữ và trẻ em khi ly hôn, Toà án chấp nhận ý kiến của chị H, giao chị được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung mà không chấp nhận ý kiến đề nghị được nuôi con của anh T. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mặc dù đã được Toà án giải thích, vì vậy chấp nhận sự tự nguyện của chị, anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị H. Anh T không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng anh có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị H, anh T đều không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H có đơn xin ly hôn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Hồng H được ly hôn anh Vũ Toàn T.

2- Về con chung: Xử giao chị Phạm Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là Vũ Duy A, sinh ngày 03/3/2015 đến khi trưởng thành 18 tuổi. Công nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung, vay nợ, công sức đóng góp: Chị H, anh T không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

4- Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AB/2014/0004293 ngày 12/12/2018.

5- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Miện;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã C;
(để ghi vào sổ hộ tịch)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Xuân Thành